SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM TGPL NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /TB-TTTGPL

Ninh Bình, ngày 20 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn Luật sư ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý

Thực hiện Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ Tư pháp), Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình (Trung tâm) thông báo lựa chọn luật sư ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý như sau:

1. Số lượng, điều kiện tham gia ký kết hợp đồng của Luật sư

1.1. Số lượng Luật sư lựa chọn: Không quá 05 Luật sư.

1.2. Điều kiện tham gia ký kết hợp đồng của Luật sư:

Luật sư khi tham gia ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm cần đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 14 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, cụ thể:

a) Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư;

b) Không bị cấm hành nghề hoặc bị hạn chế hoạt động nghề nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký kết hợp đồng lao động;

e) Không thuộc trường hợp đã thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 mà trong thời gian ít nhất là 02 năm kể từ ngày có kết luận vi phạm.

2. Yêu cầu về hồ sơ: 01 bộ gồm:

- Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trong đó có nêu rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật

Trợ giúp pháp lý năm 2017 và giới thiệu về quá trình hành nghề của luật sư, vụ việc tham gia tố tụng; kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý *(có mẫu Giấy đề nghị ban hành kèm theo).*

- Bản sao thẻ luật sư;

- Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc của cơ quan nơi người đề nghị công tác làm việc;

- Giấy khám sức khỏe (trong thời hạn 06 tháng);

- Văn bằng, chứng chỉ tin học (nếu có).

3. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ:

3.1. Thời hạn nộp hồ sơ: 20 ngày kể từ ngày thông báo được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình *(từ ngày 20/12/2022 đến hết ngày 09/01/2023).*

3.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử đến Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình - Số 17 đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (Email: trungtamtgplnb@gmail.com.).

Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp *(trong giờ hành chính)* thì ngày nộp là ngày ghi trên giấy biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày nộp được căn cứ theo ngày đến trên dấu của dịch vụ bưu chính. Trường hợp hồ sơ được gửi qua thư điện tử thì thời điểm nộp hồ sơ là thời điểm hồ sơ đã gửi đến thư điện tử của Trung tâm. Nếu thời điểm hồ sơ gửi đến thư điện tử của Trung tâm ngoài giờ hành chính thì thời điểm nộp được tính là thời điểm bắt đầu từ ngày, giờ hành chính kế tiếp.

4. Cách thức, tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ

4.1. Thang bảng điểm: Được tính là 100 điểm.

4.2. Các tiêu chí để chấm gồm:

- *Tiêu chí 1:* Tiêu chuẩn chung (tối đa 20 điểm);

- *Tiêu chí 2:* Tiêu chuẩn về hình thức hành nghề, lĩnh vực pháp luật (tối đa 20 điểm);

- *Tiêu chí 3:* Tiêu chuẩn về quá trình hành nghề luật sư (tối đa 20 điểm);

- *Tiêu chí 4:* Tiêu chuẩn kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý (tối đa 20 điểm);

- *Tiêu chí 5:* Tiêu chuẩn uy tín trong hoạt động nghề nghiệp (tối đa 20 điểm).

(Có Bảng tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ Luật sư kèm theo)

4.3. Cách thức đánh giá hồ sơ

a) Các bước đánh giá hồ sơ: Việc đánh giá được tiến hành qua 02 bước, bao gồm:

Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ.

- Hồ sơ đạt yêu cầu: Các hồ sơ nộp đầy đủ thành phần hồ sơ và đúng thời hạn theo quy định tại mục 2, 3 Thông báo này *(Chỉ những hồ sơ được đánh giá là đạt yêu cầu ở Bước 1 mới tiếp tục được đánh giá ở Bước 2).*

- Hồ sơ không đạt yêu cầu: Các hồ sơ nộp không đầy đủ thành phần hồ sơ và không đúng thời hạn theo quy định tại mục 2, 3 Thông báo này.

Bước 2: Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý.

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 để đánh giá, trong đó quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí. Điểm cuối cùng là điểm trung bình cộng của các thành viên Tổ đánh giá luật sư và được xếp thứ tự từ cao xuống thấp. Trường hợp có từ 02 luật sư trở lên có cùng số điểm thì Tổ trưởng Tổ đánh giá luật sư quyết định.

b) Thông báo kết quả lựa chọn và ký hợp đồng

Trung tâm có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và có số điểm đánh giá cuối cùng từ 50 điểm trở lên và được lựa chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp đến đủ số lượng dự kiến lựa chọn. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, Luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm, trừ Trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn trên mà Luật sư được lựa chọn không ký hợp đồng thì Trung tâm thông báo để ký hợp đồng với Luật sư có số điểm cao kế tiếp sau (nếu còn). Trường hợp Luật sư nộp hồ sơ qua thư điện tử thì khi đến ký hợp đồng với Trung tâm, Luật sư phải nộp đầy đủ hồ sơ quy định tại mục 2 Thông báo này *(Có Dự thảo hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý kèm theo).*

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Sở (để báo cáo);
- Phòng Hành chính - Bổ trợ tư pháp (để biết);
- Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình (để p/h);
- Tổ đánh giá HS (để thực hiện);
- Trang Thông tin Sở Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC
SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH

Bùi Thị Thanh Tâm

TIÊU CHÍ, THANG BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 08 /TB-TTTGPL ngày 20 /12/2022 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình)

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
TC1	***Tiêu chuẩn chung***	**20**
	Tiêu chí 1: Luật sư có phẩm chất đạo đức tốt.	10
	Tiêu chí 2: Luật sư có sức khỏe để bảo đảm thực hiện TGPL	07
	Tiêu chí 3: Luật sư có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản về office, email, hệ thống Trợ giúp pháp lý…	03
TC2	***Tiêu chuẩn về hình thức hành nghề, lĩnh vực pháp luật được dựa trên xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi Luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà Luật sư đang ký hợp đồng lao động.***	**20**
	Tiêu chí 1: Luật sư đăng ký thực hiện cả 03 hình thức: Tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và tư vấn pháp luật trên tất cả các lĩnh vực (Hình sự, dân sự, hành chính).	20
	Tiêu chí 2: Luật sư chỉ tham gia 02 trong 03 hình thức: Tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, tư vấn pháp luật trong một số lĩnh vực pháp luật cụ thể.	15
	Tiêu chí 3: Luật sư chỉ tham gia 01 hình thức: Tham gia tố tụng hoặc đại diện ngoài tố tụng hoặc tư vấn pháp luật trên tất cả các lĩnh vực.	10
TC3	***Tiêu chuẩn về quá trình hành nghề luật sư là thời gian luật sư được cấp chứng chỉ hành nghề đến thời điểm hiện tại (bao gồm: Hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư và hành nghề với tư cách cá nhân) hoặc thông qua quá trình thực hiện vụ việc tham gia tố tụng hàng năm dựa trên Bản giới thiệu nơi Luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà Luật sư đang ký hợp đồng lao động.***	**20**
	Tiêu chí 1: Luật sư đã tham gia hành nghề từ đủ 08 năm trở lên hoặc thực hiện ít nhất 80 vụ việc.	20

	Tiêu chí 2: Luật sư đã tham gia hành nghề từ đủ 06 năm đến dưới 08 năm hoặc thực hiện từ đủ 60 đến dưới 80 vụ việc.	15
	Tiêu chí 3: Luật sư đã tham gia hành nghề từ đủ 04 năm đến dưới 06 năm hoặc thực hiện từ đủ 40 đến dưới 60 vụ việc.	10
	Tiêu chí 4: Luật sư đã tham gia hành nghề dưới 04 năm hoặc thực hiện dưới 40 vụ việc.	05
TC4	***Tiêu chuẩn về kinh nghiệm tham gia TGPL là thời gian Luật sư ký hợp đồng cộng tác với Trung tâm TGPL nhà nước theo Luật TGPL năm 2006, Luật sư ký hợp đồng thực hiện TGPL theo Luật TGPL năm 2017 hoặc Luật sư đã từng là Trợ giúp viên pháp lý.***	**20**
	Tiêu chí 1: Luật sư thực hiện TGPL với Trung tâm từ đủ 08 năm trở lên hoặc thực hiện trên 50 vụ việc.	20
	Tiêu chí 2: Luật sư thực hiện TGPL với Trung tâm từ đủ 06 năm đến dưới 08 năm hoặc thực hiện từ đủ 30 đến dưới 50 vụ việc.	15
	Tiêu chí 3: Luật sư thực hiện TGL với Trung tâm từ đủ 04 năm đến dưới 06 năm hoặc thực hiện từ đủ 20 đến dưới 30 vụ việc.	10
	Tiêu chí 4: Luật sư thực hiện TGPL với Trung tâm dưới 04 năm hoặc thực hiện dưới 20 vụ việc.	05
TC5	***Tiêu chuẩn về uy tín trong hoạt động nghề nghiệp*** *(Dựa vào phản ánh của đối tượng được TGPL, cơ quan tố tụng, cơ quan quản lý nhà nước về TGPL, cơ quan, tổ chức mà Luật sư đang ký hợp đồng lao động, Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình...).*	**20**

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAM GIA LỰA CHỌN KÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 08 /TB-TTTGPL ngày 20 /12/2022 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày tháng năm 2022

GIẤY ĐỀ NGHỊ
(V/v tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý)

Kính gửi: Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình

Tên tôi là: .....

Sinh ngày .....tháng ..... năm .....

Dân tộc.....Quốc tịch .....

Địa chỉ thường trú.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc: .....

Điện thoại: .....

Email:.....

Giới thiệu về quá trình hành nghề luật sư (*Thời gian Luật sư được cấp chứng chỉ hành nghề đến thời điểm hiện tại (bao gồm: Hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư và hành nghề với tư cách cá nhân) hoặc thông qua quá trình thực hiện vụ việc tham gia tố tụng hàng năm):* .....

.....

Hình thức hành nghề, lĩnh vực pháp luật thực hiện: Kinh nghiệm tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý *(thời gian Luật sư ký hợp đồng cộng tác với Trung tâm TGPL nhà nước theo Luật TGPL năm 2006, Luật sư ký hợp đồng thực hiện TGPL theo Luật TGPL năm 2017 hoặc Luật sư đã từng là Trợ giúp viên pháp lý):* .....

Sau khi nghiên cứu Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2007 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày

25/5/2021), tôi tự nhận thấy mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình. Vì vậy, tôi trân trọng đề nghị được tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Tôi cam đoan nội dung trên là đúng sự thật và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi Luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký hợp đồng lao động

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 08 /TB-TTTGPL ngày 20 /12 /2022 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày tháng năm 2022

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Số:...../HĐTHTGPL

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20/6/2017; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021);

Căn cứ kết quả lựa chọn luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình;

Hôm nay, ngày...../...../2022 tại Trụ sở Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình, chúng tôi gồm có:

Bên A: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: Số 17, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02293. 899086; Email: tgplninhbinh@gmail.com

Đại diện là bà: **Bùi Thị Thanh Tâm**

Chức vụ: Giám đốc

Bên B:

Ông/Bà: .....

Nơi công tác: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Email: .....

Số thẻ Luật sư: .....

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với các thoả thuận như sau:

Điều 1. Cam kết thực hiện hợp đồng

1. Bên B đồng ý thực hiện cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho đối tượng được trợ giúp pháp lý trong phạm vi, hình thức trợ giúp pháp lý theo đúng quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Ngoài việc cung cấp dịch vụ TGPL bằng hình thức tư vấn, đại diện ngoài tố tụng, Bên B thực hiện không quá ..... vụ việc tham gia tố tụng/năm, trong đó, ít nhất ..... các vụ việc ..... .

Điều 2. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 03 năm, từ ngày .../..../2022 đến hết ngày ...../...../2025.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A

1.1. Phân công vụ việc trợ giúp pháp lý phù hợp với năng lực của bên B theo cam kết tại Điều 1 Hợp đồng này;

1.2. Chủ động điều tiết, phân công người thực hiện TGPL trong trường hợp bên B nhận được yêu cầu TGPL vượt quá số vụ việc được mời đảm nhiệm.

1.3. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ về nghiệp vụ và cung cấp văn bản pháp luật có liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho bên B khi có yêu cầu, phù hợp với khả năng và điều kiện của bên A;

1.4. Bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho bên B;

1.5. Kiểm tra, theo dõi, thẩm định, đánh giá hiệu quả vụ việc TGPL và thanh toán đầy đủ thù lao, chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý cho bên B theo quy định của pháp luật;

1.6. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng luật sư khi bên B có thành tích hoặc đóng góp tích cực cho công tác trợ giúp pháp lý;

1.7. Có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam và quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý, nhưng phải báo trước cho bên B 30 ngày;

1.8. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B

2.1. Thực hiện cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý theo cam kết tại Điều 1 Hợp đồng này, đảm bảo chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về TGPL;

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Giám đốc Trung tâm về chất lượng, hiệu quả việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý; hoàn trả chi phí bồi thường thiệt hại trong trường hợp trợ giúp pháp lý sai gây thiệt hại cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về dân sự;

2.3. Được nhận thù lao và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp lý theo quy định của pháp luật;

2.4. Được đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của bên A và được biểu dương, khen thưởng, tôn vinh khi có thành tích xuất sắc trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

2.5. Được quyền từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 25, khoản 1 Điều 37 Luật TGPL;

2.6. Lập và bàn giao đầy đủ hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý cho bên A để thanh toán và lưu trữ theo đúng tiến độ quy định của pháp luật; thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của bên A về việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý;

2.7. Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý; tuân thủ nội quy, quy tắc nơi thực hiện trợ giúp pháp lý cũng như tại cơ quan tiến hành tố tụng; tuân thủ quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý, các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

2.8. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật TGPL.

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Hết thời hạn thực hiện hợp đồng.

2. Các bên thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn hoặc trường hợp bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng tại tiểu mục 1.7, mục 1 Điều 3 hợp đồng này.

3. Trường hợp không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 của Luật Trợ giúp pháp lý.

4. Bên B vi phạm khoản 1 Điều 6 của Luật Trợ giúp pháp lý; Vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ đã được quy định trong hợp đồng gây thiệt hại cho người được trợ giúp pháp lý.

5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản chung

1. Các nội dung khác không thỏa thuận trong hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp cần thiết các bên thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thông qua việc lập phụ lục hợp đồng.

3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh mâu thuẫn các bên cùng nhau thương lượng, giải quyết trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Nếu không thống nhất được biện pháp giải quyết thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý 2017 và Bộ luật Dân sự.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên B giữ 01 bản.

BÊN A **BÊN B**

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Ký và ghi rõ họ tên)